

TRANH CHẤP QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG – THÁCH THỨC VÀ GIẢI PHÁP VỀ THẨM QUYỀN

ThS NGUYỄN LÊ HOÀI

Khoa Luật Quốc tế, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh
Faculty of International Law, Ho Chi Minh City University of Law
Email: nlhoai@hcmulaw.edu.vn

Tóm tắt

Bản chất đối lập giữa đặc trưng lãnh thổ của quyền sở hữu trí tuệ và tính toàn cầu của không gian mạng là một trong những thách thức đối với các quốc gia trong việc xem xét thẩm quyền giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ có yếu tố nước ngoài. Bài viết phân tích thách thức khi áp dụng nguyên tắc xác định thẩm quyền truyền thống, đồng thời nghiên cứu kinh nghiệm từ một số quốc gia như Hoa Kỳ, Ấn Độ, Liên minh châu Âu nhằm xác định thẩm quyền của Tòa án đối với tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ có yếu tố nước ngoài trên không gian mạng và từ đó đưa ra một số gợi mở cho pháp luật Việt Nam.

Từ khóa: sở hữu trí tuệ, không gian mạng, thẩm quyền trên không gian mạng

Abstract

The contrast between the territorial nature of intellectual property rights and the global nature of the Internet poses a significant challenge for nations seeking to establish jurisdiction over cross-border intellectual property disputes in cyberspace. This article analyses the complexities of applying traditional principles to jurisdictional determination. Furthermore, it examines the experiences of jurisdictions such as the United States, India, and the EU in adjudicating intellectual property disputes involving foreign elements, and proposes legislative recommendations to enhance the Vietnamese legal framework.

Keywords: intellectual property, cyberspace, cyberspace jurisdiction

DOI: <https://doi.org/10.70236/khplvn.741>

Ngày nhận bài: 13/10/2025

Ngày duyệt đăng: 02/4/2026

1. Tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ có yếu tố nước ngoài trên không gian mạng

Thuật ngữ không gian mạng lần đầu tiên được William Gibson, một thuyết gia khoa học viễn tưởng người Mỹ sử dụng trong một tác phẩm của ông vào năm 1994 với định nghĩa không gian mạng được sử dụng để chỉ cho môi trường ảo, được tạo ra bởi các mạng lưới máy tính và các hệ thống điện tử liên kết với nhau.¹ Tiếp theo đó, nhiều nhà khoa học đã đưa ra cách hiểu về thuật ngữ này và ghi nhận trong các công trình khoa học của họ.² Dưới góc độ pháp lý, vào năm 1997, lần đầu tiên Tòa án Tối cao Hoa Kỳ đưa ra thuật ngữ không gian mạng tại một vụ kiện *Reno v. ACLU* đó là: “Khi được kết hợp lại, các công cụ tạo thành một môi trường độc đáo, được người dùng biết đến với tên gọi không gian mạng” – không nằm ở một địa điểm địa lý cụ thể nào mà có sẵn cho bất kỳ ai, ở bất kỳ đâu trên thế giới”.³ Hiện nay, khái niệm không gian mạng đã được ghi nhận tại Chỉ thị An ninh quốc gia của Hoa Kỳ năm

1 David J. Pym, “1. The origins of cyberspace”, in Paul Cornish (ed.), *The Oxford Handbook of Cyber Security*, Oxford Handbooks (online edn, Oxford Academic, 8 Dec. 2021), 2021, tr. 7. DOI: <https://doi.org/10.1093/oxfordhb/9780198800682.013.1>

2 Ottis và Lorents đã đưa ra định nghĩa không gian mạng là một tập hợp phụ thuộc thời gian của các hệ thống thông tin kết nối với nhau và những người dùng tương tác với các hệ thống này tại công trình, xem Rain Ottis, Peeter Lorents, “Cyberspace: Definition and implications”, *Proceedings of the 5th International Conference on Information Warfare and Security*, Academic Conferences Limited, Reading, 2010, tr. 267-270.

3 *Reno v. ACLU*, 521 U.S. 844, 117 S. Ct. 2329, 2334-35 (1997).

2008⁴ với quy định: “Không gian mạng là mạng lưới liên kết của các cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, bao gồm internet, mạng lưới viễn thông, hệ thống máy tính và các bộ xử lý và điều khiển trong các ngành công nghiệp trọng yếu”. Tại Việt Nam, Điều 2 Luật An ninh mạng năm 2018 cũng có quy định khá tương đồng: không gian mạng là mạng lưới kết nối của cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, bao gồm mạng viễn thông, mạng internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu; là nơi con người thực hiện các hành vi xã hội không bị giới hạn bởi không gian và thời gian. Như vậy, có thể hiểu không gian mạng là một môi trường ảo nơi mọi người giao tiếp và tương tác với nhau.⁵

Với những tiến bộ và đổi mới công nghệ trong thế giới mạng, thị trường toàn cầu đã mang lại lợi ích cho các chủ sở hữu sản phẩm trí tuệ. Tuy nhiên, sự phát triển của thương mại điện tử cũng mang lại những khó khăn, thách thức đối với các doanh nghiệp trong việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) trên các nền tảng trực tuyến,⁶ trong đó điển hình nhất là hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trên không gian mạng và hành vi xâm phạm nhãn hiệu...⁷

Đối với hành vi xâm phạm quyền tác giả và quyền liên quan trên không gian mạng, kể từ khi ra đời, internet đã được xem là mối đe dọa lớn nhất đối với quyền tác giả và quyền liên quan.⁸ Trong môi trường trực tuyến, việc vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan có thể dễ dàng xảy ra bởi các tác phẩm (video, bản ghi âm biểu diễn âm nhạc và văn bản) có thể được đăng tải ở bất kỳ địa điểm nào trên thế giới, có thể được lấy cơ sở dữ liệu ở nước ngoài hoặc được các nhà cung cấp dịch vụ trực tuyến cung cấp cho những người đăng ký trên toàn cầu.⁹ Ví dụ, một tác phẩm được công bố hợp pháp trên internet được đưa lên một trang web khác hoặc chỉ ra đường link để cho người khác truy cập vì mục đích thương mại mà không trả tiền cho chủ sở hữu; hay hành vi của một cá nhân cắt xén, sửa chữa, lắp ghép những buổi biểu diễn khác nhau của một người biểu diễn mà không có sự đồng ý của người đó; hay một kênh truyền hình internet phát lại những bộ phim hay chương trình đã được phát sóng của một đài truyền hình khác mà không được phép của chủ sở hữu quyền...¹⁰

4 National security presidential directive/NSPD-54; Homeland security presidential directive/HSPD-23.

5 Janine Kremling, Amanda M. Sharp Parker, *Cyberspace, cybersecurity, and cybercrime*, SAGE Publications, Thousand Oaks, 2019, tr. 31.

6 Khổng Quốc Minh, “Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, số 06, 2023, tr. 21.

7 Shubhi Trivedi, “Intellectual property and cyberspace jurisdiction: Where the place for action lies?”, *International Journal of Law Management & Humanities*, Vol. 5(1), 2022, tr. 1964.

8 Hành vi xâm phạm quyền tác giả trên không gian mạng là những hành vi xâm phạm quyền nhân thân hoặc quyền tài sản hoặc những hành vi khác được quy định tại Điều 28 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019, 2022 và 2025); hành vi xâm phạm quyền liên quan trên không gian mạng là hành vi xâm phạm quyền của người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, quyền của tổ chức phát sóng, các hành vi khác theo quy định tại Điều 35 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019, 2022 và 2025).

9 Samridhi Chauradiya, “Challenges for intellectual property rights protection in cyberspace”, *Manupatra Articles*, 2024, <https://articles.manupatra.com/article-details/Challenges-for-Intellectual-Property-Rights-Protection-in-CyberSpace>, truy cập ngày 17/04/2025.

10 TriLaw, “Quyền tác giả, quyền liên quan trên Internet”, 2025, *Công ty Luật TriLaw*, <https://trilaw.com.vn/vn/cgi-bin/tailieu/quyen%20tac%20gia%20quyen%20lien%20quan%20tren%20internet.pdf>, truy cập ngày 20/04/2025.

Đối với hành vi xâm phạm nhân hiệu trên không gian mạng, căn cứ tại Điều 129 Luật SHTT năm 2025 thì hành vi xâm phạm quyền đối với nhân hiệu là hành vi sử dụng dấu hiệu trùng hoặc tương tự với nhân hiệu được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng với hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục đăng ký kèm theo nhân hiệu đó hoặc hàng hóa, dịch vụ tương tự hoặc liên quan thuộc danh mục đăng ký hoặc sử dụng dấu hiệu trùng hoặc tương tự với nhân hiệu nổi tiếng. Trên không gian mạng, hành vi xâm phạm nhân hiệu phổ biến có thể là hành vi thiết lập trang web, tài khoản, trang nhóm. Trong đó sử dụng trái phép logo thương hiệu, hình ảnh của doanh nghiệp đã được bảo hộ quyền SHTT; hay hành vi của một cá nhân hoặc nhóm đăng ký một tên miền có tên gây nhầm lẫn với một nhân hiệu hoặc công ty nổi tiếng với hy vọng rằng người dùng internet sẽ truy cập vào trang giả mạo thay vì trang chính thức...

Với sự phổ biến của những hành vi xâm phạm quyền SHTT trên không gian mạng như đã phân tích ở trên, việc xảy ra tranh chấp về quyền SHTT cũng là tất yếu. Những công trình nghiên cứu gần đây cho thấy tranh chấp về quyền SHTT có yếu tố nước ngoài (YTNN) trên không gian mạng thường liên quan đến quảng cáo, tiếp thị trực tuyến thông qua sử dụng nhân hiệu hay phân phối trực tuyến các tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả hay quyền liên quan.¹¹ Những tranh chấp này là tranh chấp dân sự (TCDS), thường được khởi kiện bởi một nguyên đơn là công dân của quốc gia sở tại chống lại bị đơn là cá nhân hoặc tổ chức nước ngoài có hành vi vi phạm, xâm phạm quyền SHTT được bảo hộ tại quốc gia sở tại. Đối với những tranh chấp quyền SHTT có YTNN, nguyên đơn thường tìm kiếm biện pháp khắc phục bằng cách yêu cầu chấm dứt hành vi xâm phạm và bồi thường thiệt hại.¹² Tại Hoa Kỳ, theo một nghiên cứu chi tiết về tranh chấp liên quan đến thẩm quyền trên internet,¹³ thì có khoảng 62% số vụ tranh chấp thuộc lĩnh vực SHTT, trong đó 43% tranh chấp liên quan đến nhân hiệu, 20% liên quan đến quyền tác giả, 9% về sáng chế. Tại châu Á, theo số liệu nghiên cứu năm 2022 của Media Partners Asia, Việt Nam đứng thứ ba trong khu vực (sau Indonesia và Philippines) về tỷ lệ xâm phạm quyền tác giả trên không gian mạng.¹⁴

Tại Việt Nam, tranh chấp quyền SHTT có YTNN phát sinh trên không gian mạng cũng trở nên phổ biến trong thời gian gần đây, có thể kể đến như vụ kiện của công ty Sconnect Việt Nam khởi kiện hai công ty sản xuất phim truyền hình có trụ sở tại Luân Đôn (Anh) là Entertainment One UK Limited và Astley Baker Davis Limited liên quan đến bản quyền của bộ phim hoạt hình Wolffoo;¹⁵ hay vụ

11 Andrew F. Christie, *Private international law issues in online intellectual property infringement disputes with cross-border elements*, WIPO Publishing, Geneva, 2015, tr. 5.

12 Như trên, tr. 6.

13 Joel R. Reidenberg, Jamela Debelak, Jordan Kovnot, et al., *Internet jurisdiction: A survey of legal scholarship, English and United States case law*, Fordham Center on Law and Information Policy (CLIP), New York, 2013, tr. 32.

14 ICC BASCAP, "Promoting and Protecting Intellectual Property in Vietnam", *International Chamber of Commerce*, 2019, <https://iccwbo.org/news-publications/policies-reports/icc-bascap-promoting-and-protecting-intellectual-property-in-vietnam/>, truy cập ngày 16/04/2025.

15 Bui Thi Hong Trang, Phan Dinh Nguyen, Nguyen Thi Hong Trinh, "Admissibility of ILA principles on intellectual property and private international law in Vietnam", *The Korean Journal of International and Comparative Law*, Vol. 12(1), 2024, tr. 120. DOI: <https://doi.org/10.1163/22134484-12340191>

kiện liên quan đến công ty cổ phần VNG (Việt Nam) khởi kiện Tiktok. Inc (Hoa Kỳ) yêu cầu chấm dứt hành vi vi phạm bản quyền cụ thể là gỡ bỏ khỏi ứng dụng Tiktok toàn bộ các video có chứa các đoạn nhạc cắt ra từ bản ghi của VNG.¹⁶

2. Thách thức trong việc xác định thẩm quyền đối với tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ có yếu tố nước ngoài trên không gian mạng

Tòa án của các quốc gia đang đối mặt với thách thức về thẩm quyền của Tòa án đối với tranh chấp SHTT trên không gian mạng. Bản chất xuyên biên giới của internet thường làm phức tạp vấn đề xem xét thẩm quyền theo nguyên tắc lãnh thổ. Quyền SHTT mang tính lãnh thổ, điều này có nghĩa là tại lãnh thổ của quốc gia nơi quyền SHTT được bảo hộ thì việc xâm phạm quyền SHTT sẽ bị ngăn chặn. Tuy nhiên, nếu những hành vi vi phạm xảy ra trên không gian mạng thì việc xác định yếu tố lãnh thổ là một thách thức rất lớn bởi internet đã phá vỡ ranh giới vật lý mà nguyên tắc lãnh thổ dựa vào để xác định thẩm quyền.¹⁷ Đây là đặc trưng khác biệt của quyền SHTT phát sinh trên không gian mạng so với các giao dịch diễn ra trên lãnh thổ vật lý. Ví dụ, một tình huống mua bán rất phổ biến diễn ra, như hàng hóa được mua là một bài hát có bản quyền ở dạng kỹ thuật số MP3. Quy trình bắt đầu với việc tải (*upload*) bài hát lên, hành vi này diễn ra ở một lãnh thổ quốc gia A nhưng được lưu trữ bởi một máy chủ ở lãnh thổ quốc gia B, được quảng cáo trên trang web của nhà cung cấp dịch vụ khác ở lãnh thổ quốc gia C, bài hát này được mua thông qua dịch vụ nhấp chuột và thanh toán ở lãnh thổ quốc gia D và cuối cùng bài hát được tải xuống (*download*) ở lãnh thổ quốc gia E. Như vậy, toàn bộ giao dịch là việc bán tác phẩm vi phạm bản quyền của bài hát, đây là hành vi vi phạm bản quyền của bài hát đó.¹⁸ Tương tự như vậy, trong nhiều trường hợp, khi một bộ phim được phát hành, được tải lên internet hoặc sau khi một cuốn sách được phát hành, phiên bản vi phạm bản quyền của nó sẽ có sẵn trực tuyến. Vấn đề pháp lý đặt ra là: Tòa án của mỗi quốc gia liên quan có thẩm quyền xét xử đối với tranh chấp nêu trên hay không? Trong những tình huống như vậy, việc xác định thẩm quyền trở nên rất khó khăn.

Nhìn chung, bản chất đặc thù của công nghệ đã khiến các quốc gia gặp khó khăn, trở ngại trong việc điều chỉnh hiệu quả các giao dịch diễn ra trong thế giới ảo. Trong khi các quốc gia có thể điều chỉnh hiệu quả các giao dịch xảy ra trong lãnh thổ vật lý, chính trị và địa lý của họ được phân chia bởi biên giới, thì ngược lại, không gian mạng không biên giới do công nghệ thống trị đang liên tục thay đổi, đặt ra nhiều mối đe dọa và thách thức đối với thẩm quyền của các quốc gia. Trong thế giới thực, việc phân phối hoặc biểu diễn các tác phẩm diễn ra trong ranh giới địa lý dễ nhận biết và riêng biệt. Ngược lại, trong thế giới ảo, việc truy cập tức thời và đồng thời trên toàn thế giới vào các tác phẩm có bản quyền qua các mạng kỹ thuật số là một thách thức cơ bản đối với học thuyết lãnh thổ trong việc xác định thẩm quyền.

16 Bản án số 1321/2022/ KDTM-ST ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

17 Hồ Minh Thành, “Thách thức pháp lý trong việc xác định thẩm quyền của tòa án đối với các tranh chấp thương mại điện tử”, *Tạp chí Khoa học Đại học Huế*, số 06D(132), 2023, tr. 5-15. DOI: <https://doi.org/10.26459/hueunijss.h.v132i6D.7147>

18 Shubhi Trivedii, *tld*, 2022, tr. 1965.

3. Kinh nghiệm xác định thẩm quyền của Tòa án quốc gia đối với tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ có yếu tố nước ngoài trên không gian mạng tại một số quốc gia và gợi mở cho Việt Nam

3.1. Kinh nghiệm xác định thẩm quyền của Tòa án quốc gia đối với tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ có yếu tố nước ngoài trên không gian mạng tại một số quốc gia

3.1.1. Tại Hoa Kỳ

- Bài kiểm tra về mối liên hệ tối thiểu (*minimum contact test*)

Bài kiểm tra về “mối liên hệ tối thiểu” được phát triển từ vụ án *International Shoe Co. v. Washington*.¹⁹ Đây là một bài kiểm tra hai bước để xác định thẩm quyền đối với một bị đơn không cư trú hoặc không kinh doanh trong phạm vi của quốc gia nơi có Tòa án. Theo tiêu chuẩn này, nguyên đơn phải chứng minh rằng bị đơn có “mối liên hệ tối thiểu” đủ để xác lập thẩm quyền tại quốc gia đó, tức là bị đơn đã chủ ý hướng các hoạt động của mình hoặc cố ý thực hiện hoạt động kinh doanh tại quốc gia này. Ngoài ra, Tòa án quốc gia thụ lý phải đảm bảo rằng việc thực thi thẩm quyền là phù hợp với các khái niệm truyền thống về “sự công bằng và công lý một cách đáng kể”. Bài kiểm tra này có hai chức năng liên quan nhưng khác biệt nhau. Thứ nhất là bảo vệ bị đơn khỏi sự bất tiện khi phải tham gia vụ kiện ở một nơi xa xôi hoặc không quen thuộc. Thứ hai là để đảm bảo rằng các quốc gia không vượt quá giới hạn được quy định bởi thẩm quyền của mình như sự bình đẳng về chủ quyền trong một hệ thống liên bang.

- Thử nghiệm thang trượt Zippo (*Zippo sliding scale test*)

Thử nghiệm thang trượt được đưa ra trong vụ *Zippo Manufacturing Co. v. Zippo Dot Com, Inc.* Trong vụ kiện này, nguyên đơn là một công ty có trụ sở tại Pennsylvania, tham gia sản xuất bật lửa, và bị đơn là một công ty có trụ sở tại California, điều hành một trang web và cung cấp dịch vụ tin tức. Những người đăng ký sử dụng dịch vụ tin tức phải điền vào một biểu mẫu trực tuyến cùng với việc thanh toán phí. Khi vụ kiện được đưa đến Tòa án Pennsylvania, vấn đề mà Tòa án phải xác định là liệu thẩm quyền có thể được quyết định đối với bị đơn không có trụ sở tại Pennsylvania hay không? Tòa án tuyên bố rằng trong trường hợp không có thẩm quyền chung, Tòa án chỉ được phép thực hiện thẩm quyền cá nhân đối với bị đơn không thường trú khi có mối quan hệ giữa bị đơn và Tòa án nơi thụ lý xét xử. Tòa án cho rằng để quyết định tính phù hợp của thẩm quyền cá nhân đối với bị đơn; cần phải xem xét ba điều sau: (i) Bị đơn có đủ mối liên hệ với Tòa án có thẩm quyền; (ii) Khiếu nại đối với Bị đơn phát sinh từ mối liên hệ đó; (iii) Đảm bảo tính hợp lý trong việc xem xét thẩm quyền. Như vậy, tại Hoa Kỳ, bài kiểm tra thang trượt nhằm mục đích xác định khả năng duy trì một vụ kiện trong thẩm quyền của mình dựa trên học thuyết thẩm quyền cá nhân trong đó nguyên đơn phải chứng minh sự tồn tại của các yếu tố trên.

3.1.2. Tại Ấn Độ

Việc xác định thẩm quyền cho việc khởi kiện được quy định Điều 20 của Bộ luật Tố tụng dân sự (*The Code of Civil Procedure, CPC*) năm 1908, cho phép

19 *International Shoe Co. v. Washington*, 326 U.S. 340 (1945).

khởi kiện tại nơi phát sinh nguyên nhân của hành động hoặc nơi bị đơn cư trú hoặc kinh doanh. Tuy nhiên, Điều 62 của Luật Bản quyền năm 1957 và Điều 134 của Luật Nhân hiệu năm 1999 cho phép nguyên đơn khởi kiện tại tòa án nơi nguyên đơn cư trú hoặc hoạt động kinh doanh hoặc kiếm lợi.

Trong vụ *Casio India Co. Limited v. Ashita Tele Systems Pvt. Limited*, nguyên đơn là công ty con của Casio Computer Co. của Nhật Bản (Casio Japan), kinh doanh các sản phẩm điện tử và đã đăng ký nhiều tên miền như *CasiolndiaCompany.com* hay *Casiolndia.org*. Bị đơn là chủ sở hữu tên miền *www.casioindia.com* tại Ấn Độ. Nguyên đơn đã kiện bị đơn với lý do vi phạm nhân hiệu. Tòa án Tối cao Delhi phán quyết rằng nếu trang web tên miền có thể truy cập từ bất kỳ đâu, thì thẩm quyền trong những trường hợp này cũng được xác lập ở nơi truy cập đó. Thẩm quyền của Tòa án không bị giới hạn trong phạm vi lãnh thổ nơi bị đơn cư trú. Tòa án cho rằng “khả năng công chúng bị nhầm lẫn” đủ để xác định thẩm quyền và không cần phải chứng minh “có sự lừa dối thực sự đã diễn ra ở Delhi”. Việc trang web của bị đơn có thể truy cập từ Delhi là đủ để khởi kiện. Tuy nhiên, trong vụ án *IndiaTV Independent News Service Pvt. Limited v. India Broadcast Live LLC & Ors*, một cách tiếp cận khác đã được áp dụng. Nguyên đơn, chủ sở hữu nhân hiệu INDIA TV, đã ra mắt trang web INDIA TV vào năm 2004 và sở hữu tên miền *indiatv.com*. Nguyên đơn đã nộp đơn kiện lên Tòa án Tối cao Delhi nhằm ngăn bị đơn sử dụng tên miền “*indiatvlive.com*”. Trong quá trình xét xử, bị đơn đã nộp đơn kiện tại Arizona, nơi họ đặt trụ sở, nhằm xin phán quyết tuyên bố rằng họ không vi phạm nhân hiệu của nguyên đơn. Việc này bị đơn không thông báo cho Tòa án Tối cao Delhi và nguyên đơn yêu cầu lệnh cấm bị đơn tiếp tục vụ kiện tại Tòa Arizona, cho rằng đó là Tòa án không phù hợp. Ngược lại, bị đơn tranh luận rằng Tòa án Tối cao Delhi không đủ thẩm quyền và lập luận rằng Tòa án Arizona mới có thẩm quyền. Họ cho rằng để áp dụng thẩm quyền cá nhân đối với bị đơn, cần có một quy định của pháp luật để xác định thẩm quyền đối với một người cư trú ngoài lãnh thổ quốc gia.

Tòa án khi xác định thẩm quyền dựa trên các tiêu chí sau: (i) Vụ việc có đủ mối liên hệ với Ấn Độ; (ii) Nguyên nhân hành động phát sinh từ các hoạt động của bị đơn trong phạm vi quốc gia có thẩm quyền; (iii) Có tính hợp lý để thực thi thẩm quyền hay không. Tòa án phán quyết rằng bị đơn có liên hệ đủ với Ấn Độ và có ý định nhắm đến người Ấn Độ ở nước ngoài và người Ấn Độ trong nước. Cuối cùng, Tòa án kết luận rằng bị đơn đang thực hiện các hoạt động trong thẩm quyền của Tòa án Tối cao Delhi và yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

3.1.3. Tại Liên minh châu Âu

Liên minh châu Âu (*European Union*, EU) xác định rằng cần thiết phải đưa ra các quy định trong trường hợp có hành vi vi phạm xuyên biên giới. Tại EU, quy định để xác định thẩm quyền là Điều 7(2) Nghị định Brussels Ia, quy định rằng trong các vấn đề liên quan đến hành vi sai trái, vi phạm hoặc hành vi tương tự, một người có trụ sở tại một quốc gia thành viên khác có thể bị kiện tại Tòa án của nơi mà sự kiện gây hại đã xảy ra hoặc có thể xảy ra. Trong

các án lệ của mình, Tòa án Công lý Liên minh Châu Âu (*Court of Justice of the European Union*, CJEU) đã tuyên bố quy định này bao gồm “cả nơi xảy ra thiệt hại và nơi phát sinh sự kiện gây ra thiệt hại đó.” Thông thường, đối với các tranh chấp liên quan đến quyền SHTT, Tòa án sẽ quyết định thẩm quyền dựa trên nơi xảy ra thiệt hại hoặc nội dung quyền SHTT bị vi phạm có thể truy cập được trong lãnh thổ của một quốc gia thành viên EU. Ngoài ra, việc xác định thẩm quyền cụ thể đối với tranh chấp sẽ còn được Tòa án cân nhắc dựa trên nhiều yếu tố như nguồn gốc của vi phạm (nghĩa là xem xét vi phạm đó xuất phát từ tranh chấp hợp đồng hay bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng); yêu cầu của chủ sở hữu quyền (chủ sở hữu yêu cầu về vi phạm quyền nhân thân hay quyền kinh tế)...

Thực tiễn giải quyết các tranh chấp tại EU, trong hai vụ kiện điển hình là *eDate Advertising*²⁰ liên quan đến một cá nhân bị xâm phạm quyền nhân thân trên mạng xã hội và vụ *Bolagsupplysningen*²¹ liên quan đến một pháp nhân cũng bị xâm phạm quyền kinh tế trên mạng xã hội. CJEU đã lập luận thẩm quyền của mình dựa trên học thuyết “lợi ích trung tâm”, điều này có nghĩa là Tòa án sẽ xác định thiệt hại xảy ra do hành vi vi phạm là quốc gia thành viên nơi mà người bị thiệt hại có lợi ích chính ở đó. Như vậy, Tòa án của quốc gia thành viên nơi hiện diện lợi ích chính của người bị thiệt hại sẽ có thẩm quyền giải quyết đối với tất cả các thiệt hại phát sinh từ hành vi vi phạm trên không gian mạng. Tuy nhiên, trong các vụ kiện gần đây,²² CJEU đã cung cấp giải thích về quy định Brussels Ia liên quan đến các tranh chấp bản quyền trực tuyến: cần phải xác định yếu tố kết nối trong việc xác định thẩm quyền đối với các tranh chấp xuyên biên giới, xác định rõ liệu quốc gia có trung tâm lợi ích của người bị thiệt hại hay quốc gia nơi xảy ra thiệt hại là quốc gia có kết nối với vụ việc. CJEU xác định rằng học thuyết “lợi ích trung tâm” được sử dụng trong trường hợp vi phạm quyền nhân thân trên internet là hợp lý, nhưng đối với các lợi ích về kinh tế, là những lợi ích gắn liền với yếu tố lãnh thổ, sự bảo vệ đối với các quyền lợi kinh tế được cấp bởi mỗi quốc gia và sẽ giới hạn trong lãnh thổ quốc gia đó. Như vậy, CJEU cho rằng, học thuyết trung tâm không thể được áp dụng đối với thiệt hại về quyền kinh tế do hành vi vi phạm trên không gian mạng. Lúc này, thiệt hại về quyền kinh tế phát sinh ở quốc gia thành viên nào sẽ do Tòa án quốc gia đó giải quyết.

3.2. Một số gợi mở cho pháp luật Việt Nam

Tại Việt Nam, với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số, Chính phủ Việt Nam đưa ra nhiều chính sách, chiến lược để phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Ngày 03/6/2020, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg về việc phê duyệt chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Theo đó, để xác định rõ và thực hiện mục tiêu cơ bản của chương trình chuyển đổi số, một trong những giải pháp quan

20 Joined Cases C-509/09 and C-161/10 *eDate Advertising GmbH and Others v X and MGN Limited* [2011] ECR I-10269.

21 Case C-194/16 *Bolagsupplysningen OÜ and Ingrid Ilsjan v Svensk Handel AB* EU:C:2017:766, [2017] ILPr 33.

22 Opinion of AG Wathelet in Case C-618/15 *Concurrence Sàrl v Samsung Electronics France SAS and Amazon Services Europe Sàrl* EU:C:2016:852, pp. 85–86.

trọng là rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản pháp luật trong các lĩnh vực chuyên ngành. Với nhiệm vụ trên, Việt Nam cũng tích cực rà soát và ban hành nhiều quy định mới liên quan đến lĩnh vực SHTT như Luật SHTT sửa đổi năm 2025; Nghị định số 17/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật SHTT về quyền tác giả, quyền liên quan; Nghị định số 65/2023/NĐ-CP hướng dẫn Luật SHTT về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, Thông tư số 23/2023/TT- BKHCN hướng dẫn Luật SHTT và Nghị định số 65/2023/NĐ-CP...

Trong trường hợp tranh chấp quyền SHTT có YTNN, thẩm quyền của TAVN được xác định theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và Điều 469; Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS 2015). BLTTDS năm 2015 không xây dựng căn cứ chuyên biệt để xác định thẩm quyền của TAVN đối với tranh chấp về quyền SHTT mà dựa vào những căn cứ chung áp dụng cho vụ việc dân sự (VVDS) có YTNN có thể liệt kê bao gồm: (i) thẩm quyền dựa trên các yếu tố kết nối với bị đơn như bị đơn là cá nhân cư trú, làm ăn sinh sống lâu dài tại Việt Nam, bị đơn là cơ quan, tổ chức có trụ sở tại Việt Nam hoặc có chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam đối với hoạt động liên quan đến chi nhánh, văn phòng đại diện đó, bị đơn có tài sản trên lãnh thổ Việt Nam;²³ (ii) thẩm quyền dựa trên yếu tố kết nối lãnh thổ như vụ việc dân sự mà căn cứ phát sinh, thay đổi, chấm dứt xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam hoặc có đối tượng là tài sản trên lãnh thổ Việt Nam hoặc công việc thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.²⁴

Những quy định trên cho thấy rằng, Việt Nam cũng sử dụng những học thuyết truyền thống để xác định thẩm quyền của Tòa án quốc gia. Cụ thể, những căn cứ tại điểm a,b,c khoản 1 Điều 469 BLTTDS năm 2015 là những căn cứ xác lập thẩm quyền dựa trên học thuyết thẩm quyền đối với cá nhân, các dấu hiệu liên quan đến bị đơn, sự thuận lợi đối với bị đơn được áp dụng như là căn cứ chung để xác lập thẩm quyền đối với VVDS có YTNN. Bên cạnh đó, BLTTDS năm 2015 cũng sử dụng căn cứ xác lập thẩm quyền dựa trên học thuyết lãnh thổ tại điểm d khoản 1 Điều 469 khi xác định thẩm quyền của TAVN dựa trên những sự kiện pháp lý liên quan xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Liên quan đến vụ kiện giữa Công ty VNG và TikTok, VNG, công ty công nghệ hàng đầu Việt Nam, đã khởi kiện TikTok vì xâm phạm quyền SHTT, gây thiệt hại nghiêm trọng cho công ty này lên đến hơn 221 tỷ đồng. Cụ thể, VNG cáo buộc TikTok sử dụng các bản ghi âm thuộc sở hữu của Zing (công ty con của VNG), mà không có sự đồng ý về bản quyền của VNG. Trong cáo buộc này, Zing cũng cho biết tổng cộng 150 bản ghi âm mà họ sở hữu quyền khai thác hiện đang bị TikTok sử dụng trái phép trong hơn 11 triệu video trên ứng dụng và trang web của TikTok. Vì thế, VNG cho rằng TikTok xâm phạm quyền SHTT của mình, gây thiệt hại nặng nề cho công ty. VNG đã đệ đơn kiện lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu TikTok gỡ bỏ

23 Điểm a, b, c khoản 1 Điều 469 BLTTDS năm 2015.

24 Điểm d khoản 1 Điều 469 BLTTDS năm 2015.

toàn bộ nhạc Zing khỏi ứng dụng và trang web TikTok cùng với khoản bồi thường hơn 221 tỷ đồng. Xét quy định về thẩm quyền của Tòa án, vụ tranh chấp này có nhiều dấu hiệu để xác định thẩm quyền của TAVN, như đối tượng của quyền SHTT là bản quyền thuộc sở hữu của Zing ở Việt Nam. Vì thế, căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 469 TAVN có thẩm quyền đối với tranh chấp.

Không dừng lại ở đó, BLTTDS năm 2015 còn xây dựng căn cứ nhằm mở rộng thẩm quyền của TAVN tại điểm e khoản 1 Điều 469 BLTTDS 2015, ngay cả khi vụ việc không xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam nhưng có liên quan đến quyền và lợi ích của cơ quan, tổ chức Việt Nam, công dân Việt Nam cư trú tại Việt Nam. Với quy định này, đối với vụ việc xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam, TAVN có thể xác lập thẩm quyền nếu chỉ liên quan đến công dân, cơ quan, tổ chức Việt Nam. Ưu điểm của quy định này là tạo ra cơ sở pháp lý để mở rộng thẩm quyền của TAVN khi một vụ việc không có yếu tố lãnh thổ gắn liền với Việt Nam. Xét về khả năng áp dụng quy định này đối với tranh chấp về quyền SHTT trên không gian mạng, đây là một quy định có thể phù hợp bởi đối với các vụ tranh chấp quyền SHTT mà hành vi vi phạm được thực hiện ở một quốc gia khác, bị đơn cũng không cư trú ở Việt Nam, không có tài sản ở Việt Nam... thì căn cứ này có thể được áp dụng nếu chứng minh được hành vi đó ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của công dân, cơ quan, tổ chức Việt Nam.

Dưới góc độ so sánh với quy định của các quốc gia, pháp luật VN còn có những hạn chế nhất định cần khắc phục nhằm bảo đảm yêu cầu thích ứng, phù hợp với sự gia tăng các tranh chấp về quyền SHTT phát sinh trên không gian mạng. Cụ thể:

Thứ nhất, pháp luật Việt Nam nên xem xét áp dụng tiêu chí mối liên hệ tối thiểu để xác định thẩm quyền của toà án đối với tranh chấp về quyền SHTT có YTNN, mục đích của pháp luật của mỗi quốc gia khi xây dựng quy định về thẩm quyền đối với VVDS có YTNN là nhằm tạo ra một cơ sở pháp lý vững chắc để thụ lý, giải quyết vụ việc đó. Hơn nữa, Tòa án sẽ dễ dàng thực hiện các hoạt động tố tụng như triệu tập đương sự, tổng đạt giấy tờ...nếu như vụ việc có yếu tố gắn bó với lãnh thổ hoặc bị đơn cư trú trên lãnh thổ quốc gia có Tòa án xét xử. Tất cả những yếu tố đó nhằm hướng đến mục tiêu bảo đảm tính công bằng và hợp lý trong quá trình giải quyết VVDS có YTNN. Với những tiêu chí như vậy, nếu TAVN có thẩm quyền đối với tranh chấp ngay cả khi nó không xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam, không có nhiều tình tiết gắn bó với Việt Nam, thì sẽ rất khó khăn để Tòa án có thể giải quyết tranh chấp một cách thuận tiện.

Dưới góc độ tham khảo kinh nghiệm các quốc gia, mặc dù Tòa án các quốc gia cũng đang phải đối mặt với thách thức trong không gian mạng, tuy nhiên, trong quá trình giải quyết tranh chấp, pháp luật các quốc gia, Tòa án các quốc gia luôn luôn đảm bảo mối liên hệ tối thiểu giữa vụ việc và quốc gia có thẩm quyền giải quyết. Bản chất xuyên biên giới của không gian mạng sẽ ngày càng khiến các tranh chấp trở nên phức tạp, đồng thời làm mất đi các yếu tố gắn kết về mặt lãnh thổ địa lý. Vì thế, trong quá trình xem xét thẩm quyền của Tòa án đối với tranh chấp về quyền SHTT có YTNN, đảm bảo mối liên hệ tối thiểu với Việt Nam là rất cần thiết.

Thứ hai, pháp luật Việt Nam nên xem xét áp dụng dấu hiệu nơi phát sinh thiệt hại nhằm xác định thẩm quyền của tòa án đối với các tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền SHTT phát sinh trên không gian mạng. Căn cứ xác lập thẩm quyền của TAVN đối với tranh chấp về SHTT có YTNN phát sinh trên không gian mạng khá đa dạng, vì tổng hợp rất nhiều các dấu hiệu khác nhau để xác định thẩm quyền bao gồm nơi cư trú của bị đơn, nơi có tài sản của bị đơn, nơi phát sinh, thay đổi, chấm dứt sự kiện gây thiệt hại, nơi có tàn sản tranh chấp... Tuy nhiên, trong những căn cứ được quy định tại BLTTDS năm 2015, không có quy định về dấu hiệu về nơi hiện diện của các thiệt hại phát sinh do hành vi vi phạm. Trong các tranh chấp về quyền SHTT, đối với những thiệt hại mang tính tài sản thì căn cứ xác định thiệt hại dựa vào nơi có thiệt hại là tài sản, nhưng đối với những thiệt hại về nhân thân, tinh thần do các hành vi xâm phạm quyền SHTT thì không có căn cứ xác định thẩm quyền liên quan đến thiệt hại.

Dưới góc độ so sánh với pháp luật của các quốc gia, nơi phát sinh thiệt hại là một trong những dấu hiệu quan trọng để xác định thẩm quyền của Tòa án quốc gia đối với các tranh chấp về quyền SHTT, đặc biệt là các yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do hành vi xâm phạm quyền SHTT gây ra. Bản chất phân tán và xuyên biên giới của internet sẽ có ảnh hưởng rất lớn đến việc xác định các hành vi gây thiệt hại, bởi hành vi đó thông thường diễn ra ở khắp các quốc gia, người dùng có thể truy cập ở bất cứ địa điểm nào. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Bản án số 1321/2022/ KDTM-ST ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
- [2] Andrew F. Christie, *Private international law issues in online intellectual property infringement disputes with cross-border elements*, WIPO Publishing, Geneva, 2015
- [3] Janine Kremling, Amanda M. Sharp Parker, *Cyberspace, cybersecurity, and cybercrime*, SAGE Publications, Thousand Oaks, 2019
- [4] Khổng Quốc Minh, “Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, số 06, 2023 [trans: Khong Quoc Minh, “Protection of intellectual property rights in e-commerce”, *Vietnam Journal of Science and Technology*, No. 06, 2023]
- [5] Rain Ottis, Peeter Lorents, “Cyberspace: Definition and Implications”, *Proceedings of the 5th International Conference on Information Warfare and Security*, Academic Conferences Limited, Reading, 2010
- [6] Joel R. Reidenberg, Jamela Debelak, Jordan Kovnot, et al., *Internet jurisdiction: A survey of legal scholarship, English and United States case law*, Fordham Center on Law and Information Policy (CLIP), New York, 2013
- [7] Hồ Minh Thành, “Thách thức pháp lý trong việc xác định thẩm quyền của tòa án đối với các tranh chấp thương mại điện tử”, *Tạp chí Khoa học Đại học Huế*, số 06D(132), 2023 [trans: Ho Minh Thanh, “Legal challenges in determining court jurisdiction for e-commerce disputes”, *Hue University Journal of Science*, Vol. 132(06D), 2023]. DOI: <https://doi.org/10.26459/hueunijssh.v132i6D.7147>
- [8] Bui Thi Hong Trang, Phan Dinh Nguyen, Nguyen Thi Hong Trinh, “Admissibility of ILA principles on intellectual property and private international law in Vietnam”, *The Korean Journal of International and Comparative Law*, Vol. 12(1), 2024. DOI: <https://doi.org/10.1163/22134484-12340191>
- [9] Shubhi Trivedi, “Intellectual property and cyberspace jurisdiction: Where the place for action lies?”, *International Journal of Law Management & Humanities*, Vol. 5(1), 2022